



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*

A member of **HLB** International

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
THÔNG TIN CHUNG	02
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-37
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-37

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)) từ ngày 25 tháng 06 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Ông Đỗ Quang Hiền	Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Thoại	Ủy viên	
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/06/2013
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17/06/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	
Ông Lương Đức Chính	Thành viên	
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Đình Lợi - Chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Lợi

Số: 1077 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên

Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.526.556.083.740	1.428.151.628.714
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	732.697.232.009	739.501.000.366
111	1. Tiền		603.947.232.009	587.501.000.366
112	2. Các khoản tương đương tiền		128.750.000.000	152.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	255.006.571.691	218.739.523.132
121	1. Đầu tư ngắn hạn		348.136.754.441	341.824.209.736
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(93.130.182.750)	(123.084.686.604)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	524.971.709.837	456.328.543.592
131	1. Phải thu của khách hàng		365.516.500	428.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		85.234.335.000	85.615.695.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		16.951.769.180	19.027.182.356
138	5. Các khoản phải thu khác		624.607.629.080	552.416.005.808
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(202.187.539.923)	(201.158.339.572)
140	IV. Hàng tồn kho	7	107.177.212	108.172.449
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.773.392.991	13.474.389.175
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		968.536.519	542.405.751
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.188.448.530	12.188.448.530
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	616.407.942	743.534.894
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		61.739.871.992	63.435.095.360
220	II. Tài sản cố định		8.499.342.248	10.826.259.715
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.589.497.246	3.246.911.842
222	- Nguyên giá		13.037.350.900	16.332.466.411
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.447.853.654)	(13.085.554.569)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	5.909.845.002	7.579.347.873
228	- Nguyên giá		18.945.828.822	19.096.841.419
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.035.983.820)	(11.517.493.546)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	45.000.000.000	45.000.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		64.800.000.000	64.800.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.800.000.000)	(19.800.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.240.529.744	7.608.835.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.281.530.293	2.380.813.977
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	4.073.333.102	2.764.175.530
268	4. Tài sản dài hạn khác		1.885.666.349	2.463.846.138
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.588.295.955.732	1.491.586.724.074

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		800.057.086.810	717.504.023.705
310	I. Nợ ngắn hạn		800.032.086.810	717.479.023.705
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	244.000.000.000	312.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		64.263.220	64.893.070
313	3. Người mua trả tiền trước		1.199.000.000	1.299.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	940.475.549	650.040.320
315	5. Phải trả người lao động		1.245.162.192	149.378.026
316	6. Chi phí phải trả	17	21.354.170.590	12.244.439.776
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	530.552.110.361	389.441.675.515
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	11.641.600	456.804.432
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		53.817.000	519.376.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		482.368.366	520.368.366
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		129.077.932	133.048.200
330	II. Nợ dài hạn		25.000.000	25.000.000
333	3. Phải trả dài hạn khác		25.000.000	25.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		788.238.868.922	774.082.700.369
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	788.238.868.922	774.082.700.369
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(333.286.294.730)	(347.442.463.283)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>1.588.295.955.732</u>	<u>1.491.586.724.074</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		53.365.330.000	53.365.330.000
003	3. Tài sản nhận ký cược		16.066.660.000	16.066.660.000
006	6. Chứng khoán lưu ký		3.770.955.850.000	4.211.954.590.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		2.890.814.390.000	3.265.750.330.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		40.444.640.000	40.695.450.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.849.261.250.000	3.225.054.880.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.108.500.000	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		491.763.710.000	506.584.120.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		491.763.710.000	506.584.120.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		334.117.400.000	332.117.400.000
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		276.000.000.000	274.000.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		58.117.400.000	58.117.400.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		51.759.620.000	100.663.800.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		467.800.000	2.031.700.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		51.291.820.000	98.632.100.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		2.500.730.000	6.838.940.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		2.500.730.000	6.838.940.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		104.654.080.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		89.808.970.000	-
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		1.110.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		89.807.860.000	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		14.842.110.000	-
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		14.842.110.000	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		3.000.000	-
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		3.000.000	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		15.999.260.000	15.999.260.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		30.000.000.000	30.000.000.000

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Thu Hằng



Trần Sỹ Tiến



Hoàng Đình Lợi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	21	65.068.804.769	107.328.959.127
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		13.305.394.953	13.927.507.655
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		21.718.980.925	46.355.943.160
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		2.952.985.650	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		3.420.705.435	448.063.636
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.446.489.774	802.191.394
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	611.710
01.9	Doanh thu khác		22.224.248.032	45.794.641.572
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.009.895.925	63.231.823
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	64.058.908.844	107.265.727.304
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	35.253.012.711	75.431.424.677
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		28.805.896.133	31.834.302.627
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	14.483.119.694	792.131.198
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.322.776.439	31.042.171.429
31	8. Thu nhập khác		35.193.278	7.444.326
32	9. Chi phí khác		201.801.164	10.033
40	10. Lợi nhuận khác		(166.607.886)	7.434.293
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.156.168.553	31.049.605.722
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.156.168.553</u>	<u>31.049.605.722</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	142	311

Người lập

Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Sỹ Tiến

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Lợi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.156.168.553	31.049.605.722
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.031.036.912	3.431.844.079
03	- Các khoản dự phòng		(28.925.303.503)	(77.489.955.374)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(25.903.989.888)	(28.056.109.906)
06	- Chi phí lãi vay		18.618.632.016	44.802.512.541
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(19.023.455.910)	(26.262.102.938)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(69.208.051.481)	12.809.628.322
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(6.311.549.468)	(184.325.300.182)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		142.565.840.946	117.290.017.663
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(35.497.411)	36.633.850
13	- Tiền lãi vay đã trả		(10.593.409.857)	(24.853.430.075)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		820.261.709	254.167.813
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(279.531.920)	(2.419.779.138)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		37.934.606.608	(107.470.164.685)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.106.767.999)	(745.822.114)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34.647.150	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.333.745.884	27.947.357.406
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.261.625.035	27.201.535.292
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.622.000.000.000	797.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.690.000.000.000)	(757.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(68.000.000.000)	40.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.803.768.357)	(40.268.629.393)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		739.501.000.366	153.344.465.161
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>732.697.232.009</u>	<u>113.075.835.768</u>

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Thu Hằng

Trần Sỹ Tiến

Hoàng Đình Lợi

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	-	-	108.234.052.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(347.442.463.283)	14.156.168.553	-	(333.286.294.730)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	774.082.700.369	14.156.168.553	-	788.238.868.922

6 tháng đầu năm 2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	-	-	108.234.052.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	-	-	7.420.555.826
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(378.233.824.050)	31.049.605.722	-	(347.184.218.328)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	743.291.339.602	31.049.605.722	-	774.340.945.324

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Thu Hằng

Trần Sỹ Tiến

Hoàng Đình Lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng; tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

2.3. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	03 - 05 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm.

2.8. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	49.889.840	731.968.699.000
- Cổ phiếu	49.889.840	731.968.699.000
Của người đầu tư	764.914.812	8.645.055.693.320
- Cổ phiếu	756.897.902	7.784.855.029.400
- Trái phiếu	7.916.660	859.131.205.920
- Chứng chỉ quỹ	100.250	1.069.458.000
	814.804.652	9.377.024.392.320

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	37.188.380	48.854.705
Tiền gửi ngân hàng	457.447.507.152	452.609.134.830
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	136.776.841.833	128.393.610.543
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	4.141.263.584	576.470.527
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	5.544.431.060	5.872.929.761
Các khoản tương đương tiền (*)	128.750.000.000	152.000.000.000
	732.697.232.009	739.501.000.366

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Lãi suất tiền gửi là 7%/năm, lãi trả sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			348.136.754.441	341.824.209.736	5.151.609	595.388.068	(93.130.182.750)	(123.084.686.604)	255.011.723.300	219.334.911.200
Chứng khoán niêm yết			348.134.720.091	341.822.175.386	5.151.609	595.388.068	(93.128.351.700)	(123.082.783.554)	255.011.520.000	219.334.779.900
- ANV	200.000	200.000	2.231.342.310	2.231.342.310	-	-	(771.342.310)	(271.342.310)	1.460.000.000	1.960.000.000
- BSI	-	80.000	-	672.000.000	-	-	-	(360.000.000)	-	312.000.000
- CSM	-	55.000	-	1.192.875.211	-	83.124.789	-	-	-	1.276.000.000
- EFI	44	44	601.522	601.522	-	-	(333.122)	(346.322)	268.400	255.200
- HAG	60.000	20	1.317.000.000	547.598	-	-	(75.000.000)	(115.598)	1.242.000.000	432.000
- HDG	100.000	-	1.415.970.307	-	-	-	(395.970.307)	-	1.020.000.000	-
- HPG	250.007	7	7.474.346.408	152.402	-	-	(424.149.008)	(5.402)	7.050.197.400	147.000
- ITA	3	33	23.299	200.955	-	-	(2.899)	(45.855)	20.400	155.100
- JVC	290.000	-	5.730.675.170	-	-	-	(104.675.170)	-	5.626.000.000	-
- KLS	30	230	283.413	2.246.822	-	-	(31.413)	(291.822)	252.000	1.955.000
- L14	-	98.600	-	1.301.520.000	-	-	-	(788.800.000)	-	512.720.000
- LAF	9	9	146.031	146.031	-	-	(99.231)	(110.931)	46.800	35.100
- LAS	34.000	-	1.534.107.200	-	-	-	(367.907.200)	-	1.166.200.000	-
- MBB	3.000.000	3.450.000	43.638.547.956	51.844.609.164	-	-	(4.038.547.956)	(8.719.609.164)	39.600.000.000	43.125.000.000
- OGC	100.000	-	1.100.000.000	-	-	-	(50.000.000)	-	1.050.000.000	-
- PGS	-	400.000	-	6.825.113.288	-	-	-	(25.113.288)	-	6.800.000.000
- PHC	412.150	425.050	5.738.951.955	6.051.383.838	-	-	(4.213.996.955)	(4.308.678.838)	1.524.955.000	1.742.705.000
- PHT	-	927.925	-	10.487.464.723	-	-	-	(4.919.914.723)	-	5.567.550.000
- PID	250.000	250.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	(775.000.000)	(750.000.000)	1.725.000.000	1.750.000.000
- PVX	54	54	297.009	248.426	-	48.574	(27.009)	-	270.000	297.000
- PVD	100.000	80	4.828.500.000	3.982.703	-	-	(108.500.000)	(982.703)	4.720.000.000	3.000.000
- REE	100.000	130.000	2.440.500.000	1.979.768.786	-	178.231.214	(10.500.000)	-	2.430.000.000	2.158.000.000
- S96	95	95	1.001.578	1.001.578	-	-	(707.078)	(602.578)	294.500	399.000
- SHB	22.531.538	22.231.538	205.454.957.099	203.084.957.099	-	-	(49.987.344.899)	(71.918.882.899)	155.467.612.200	131.166.074.200
- SJS	7	35.007	197.796	1.313.030.894	-	-	(99.796)	(549.878.294)	98.000	763.152.600
- SSI	209.920	360.000	3.910.934.478	5.535.656.084	-	332.343.916	(216.342.478)	-	3.694.592.000	5.868.000.000
- TDC	250.000	-	2.644.048.000	-	-	-	(669.048.000)	-	1.975.000.000	-
- TSC	200.000	200.000	2.930.658.171	2.930.658.171	-	-	(1.830.658.171)	(1.630.658.171)	1.100.000.000	1.300.000.000
- VIC	30.001	1	2.085.066.000	66.000	-	-	(210.003.500)	-	1.875.062.500	66.000
- VIS	120.000	-	1.591.200.000	-	-	-	(103.200.000)	-	1.488.000.000	-
- VND	650.000	-	6.111.137.033	-	-	-	(196.137.033)	-	5.915.000.000	-
- VRC	2.800.004	2.822.874	43.372.775.703	43.727.037.833	-	-	(28.532.754.503)	(28.765.805.633)	14.840.021.200	14.961.232.200
- Các cổ phiếu lẻ khác	-	-	81.451.653	135.563.948	5.151.609	1.639.575	(45.973.662)	(71.599.023)	40.629.600	65.604.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán Upcom			2.034.350	2.034.350	-	-	(1.831.050)	(1.903.050)	203.300	131.300
- VSP	41	41	1.405.350	1.405.350	-	-	(1.352.050)	(1.352.050)	53.300	53.300
- VTA	60	60	629.000	629.000	-	-	(479.000)	(551.000)	150.000	78.000
			348.136.754.441	341.824.209.736	5.151.609	595.388.068	(93.130.182.750)	(123.084.686.604)	255.011.723.300	219.334.911.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	428.000.000	330.000.000	-	3.472.449.650	3.534.933.150	365.516.500	330.000.000	-	(231.000.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	428.000.000	330.000.000	-	3.472.449.650	3.534.933.150	365.516.500	330.000.000	-	(231.000.000)
Trả trước cho người bán	85.615.695.000	-	-	1.699.066.079	2.080.426.079	85.234.335.000	-	-	-
- Ứng trước dịch vụ tư vấn	615.695.000	-	-	1.699.066.079	2.080.426.079	234.335.000	-	-	-
- Ứng trước tiền hợp tác xây dựng tòa nhà văn phòng	85.000.000.000	-	-	-	-	85.000.000.000	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	19.027.182.356	-	18.957.182.356	-	2.075.413.176	16.951.769.180	-	16.951.769.180	(11.866.238.426)
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	18.957.182.356	-	18.957.182.356	-	2.005.413.176	16.951.769.180	-	16.951.769.180	(11.866.238.426)
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	70.000.000	-	-	-	70.000.000	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	552.416.005.808	336.985.954.589	-	4.248.737.154.736	4.176.545.531.464	624.607.629.080	348.159.412.916	-	(190.090.301.497)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	31.449.331.476	-	-	1.979.088.661.758	1.989.258.953.903	21.279.039.331	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác ba bên	106.366.864.555	1.983.265.919	-	1.144.523.807.371	1.135.173.099.168	115.717.572.758	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	371.313.428.454	303.844.321.036	-	1.115.697.572.668	1.045.142.211.533	441.868.789.589	306.650.652.701	-	(168.784.365.141)
- Phải thu hỗ trợ khác cho nhà đầu tư	9.915.067.273	8.808.931.274	-	-	83.698.064	9.831.369.209	8.774.380.934	-	(2.362.289.116)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.480.985.352	20.279.922.120	-	2.041.912.287	2.195.016.552	20.327.881.087	19.819.370.334	-	(15.061.893.300)
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	820.000.000	-	-	3.814.464.845	2.014.464.845	2.620.000.000	820.000.000	-	(246.000.000)
- Phải thu khác	12.070.328.698	2.069.514.240	-	3.570.735.807	2.678.087.399	12.962.977.106	12.095.008.947	-	(3.635.753.940)
	657.486.883.164	337.315.954.589	18.957.182.356	4.253.908.670.465	4.184.236.303.869	727.159.249.760	348.489.412.916	16.951.769.180	(202.187.539.923)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

7 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	107.177.212	108.172.449
	<u>107.177.212</u>	<u>108.172.449</u>

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.188.448.530	12.188.448.530
	<u>12.188.448.530</u>	<u>12.188.448.530</u>

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	552.269.442	678.846.394
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	64.138.500	64.688.500
	<u>616.407.942</u>	<u>743.534.894</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	12.285.362.264	3.294.576.582	752.527.565	16.332.466.411
Mua sắm mới	1.106.767.999	-	-	1.106.767.999
Thanh lý, nhượng bán	(1.021.745.353)	-	(111.606.725)	(1.133.352.078)
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(2.949.408.305)	-	(319.123.127)	(3.268.531.432)
Số dư cuối kỳ	9.420.976.605	3.294.576.582	321.797.713	13.037.350.900
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	10.195.935.374	2.423.140.616	466.478.579	13.085.554.569
Trích khấu hao	1.224.800.191	106.158.356	58.819.464	1.389.778.011
Thanh lý, nhượng bán	(924.654.853)	-	(97.398.344)	(1.022.053.197)
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(2.767.214.979)	-	(238.210.750)	(3.005.425.729)
Số dư cuối kỳ	7.728.865.733	2.529.298.972	189.688.949	10.447.853.654
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	2.089.426.890	871.435.966	286.048.986	3.246.911.842
Số dư cuối kỳ	1.692.110.872	765.277.610	132.108.764	2.589.497.246

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	19.096.841.419	19.096.841.419
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(151.012.597)	(151.012.597)
Số dư cuối kỳ	<u>18.945.828.822</u>	<u>18.945.828.822</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	11.517.493.546	11.517.493.546
Trích khấu hao	1.641.258.901	1.641.258.901
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(122.768.627)	(122.768.627)
Số dư cuối kỳ	<u>13.035.983.820</u>	<u>13.035.983.820</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	7.579.347.873	7.579.347.873
Số dư cuối kỳ	<u>5.909.845.002</u>	<u>5.909.845.002</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán			64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(19.800.000.000)	45.000.000.000	45.000.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(19.800.000.000)	45.000.000.000	45.000.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(19.800.000.000)	45.000.000.000	45.000.000.000
			64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.800.000.000)	(19.800.000.000)	45.000.000.000	45.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	325.274.805	141.035.910
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.600.427.635	1.812.828.990
Chi phí trả trước dài hạn khác	355.827.853	426.949.077
	2.281.530.293	2.380.813.977

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.378.052.515	2.364.377.161
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	575.280.587	279.798.369
Số dư cuối kỳ	4.073.333.102	2.764.175.530

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	162.000.000.000	2.622.000.000.000	(2.690.000.000.000)	94.000.000.000
- Ngân hàng	162.000.000.000	2.622.000.000.000	(2.690.000.000.000)	94.000.000.000
Nợ ngắn hạn	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
- Nợ ngắn hạn	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
	312.000.000.000	2.622.000.000.000	(2.690.000.000.000)	244.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên ⁽¹⁾	59.000.000.000	42.000.000.000
Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ⁽²⁾	35.000.000.000	120.000.000.000
	94.000.000.000	162.000.000.000

Chi tiết các khoản nợ ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ ngắn hạn (trái phiếu SHS) ⁽³⁾	150.000.000.000	150.000.000.000
	150.000.000.000	150.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ ngắn hạn

- (1) Hợp đồng tín dụng số 1701 - LAV - 201200453 ngày 14/05/2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 001 ngày 30/07/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 80.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh ký quỹ chứng khoán và cung cấp các dịch vụ đòn bẩy tài chính cho nhà đầu tư;
 - + Thời hạn vay: 03 tháng kể từ thời điểm giải ngân của từng khế ước;
 - + Lãi suất cho vay: áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (Mã chứng khoán SHB) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội với tỉ lệ cho vay theo quy định của Eximbank và các tài sản khác được Eximbank chấp nhận; giá trị tài sản đảm bảo theo biên bản định giá tài sản đảm bảo ngày 05/12/2012 là 108.780.000.000 đồng.
- (2) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 49.2013/HDHM - PN/SHB.HO ngày 21/05/2013 và các phụ lục, khế ước kèm theo, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Giá trị hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn cho hoạt động hợp tác kinh doanh ký quỹ chứng khoán;
 - + Thời hạn vay: được quy định cụ thể tại mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đang nắm giữ, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 41.760.000.000 đồng (theo Phụ lục Hợp đồng cầm cố tài sản số 13/045/2012/HĐCC-PN/SHB-SHS);
 - + Số dư vay tại thời điểm 30/06/2013 là 35 tỷ đồng.
- (3) Hợp đồng mua Trái phiếu SHS_BOND.350.2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội số 293/2011/SHS/TV-MBTP ngày 30/09/2011 ký giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội về việc gia hạn nợ của Hợp đồng trên, với các thông tin chi tiết như sau:

+ Loại Trái phiếu	Trái phiếu doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo
+ Mã trái phiếu	SHS_BOND.350.2011
+ Hình thức phát hành	Phát hành riêng lẻ
+ Hình thức trái phiếu	Bút toán ghi sổ
+ Giá trị trái phiếu phát hành	250.000.000.000 VND
+ Số lượng trái phiếu phát hành	250 trái phiếu
+ Mệnh giá trái phiếu	1.000.000.000 VND/trái phiếu
+ Giá phát hành	1.000.000.000 VND/trái phiếu
+ Kỳ hạn trái phiếu	1 năm kể từ ngày phát hành
+ Giá trị trái phiếu đã tất toán trong năm	100.000.000.000 VND
+ Giá trị trái phiếu được gia hạn trả nợ	150.000.000.000 VND
+ Thời gian gia hạn	12 tháng (từ 01/10/2012 đến 01/10/2013)
+ Lãi suất trong thời gian gia hạn	16,5%/ năm (3 tháng điều chỉnh 1 lần). Từ 01/04/2013, lãi suất giảm xuống 11,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	10.936.426	66.856.433
Thuế Thu nhập cá nhân	929.539.123	583.183.887
	940.475.549	650.040.320

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	17.160.611.117	9.135.388.958
Chi phí cơ hội hợp đồng môi giới chứng khoán	3.693.745.100	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	208.830.000	402.420.000
Chi phí phải trả khác	290.984.373	2.706.630.818
	21.354.170.590	12.244.439.776

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	57.249.555	21.841.110
Bảo hiểm xã hội	243.132.640	-
Bảo hiểm y tế	45.484.226	-
Bảo hiểm thất nghiệp	20.260.520	-
Nhận tiền đặt cọc Hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	267.706.645.316	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	61.693.828	147.268.297.244
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	142.255.814.293	133.290.359.872
Phải trả cổ tức cho cổ đông	317.102.449	317.102.449
Phải trả hợp đồng hợp tác ba bên	115.717.572.758	106.366.864.555
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.127.154.776	2.177.210.285
	530.552.110.361	389.441.675.515

(*) Đây là khoản Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải hoàn trả tiền cọc cho khách hàng kèm theo một khoản phí cơ hội theo thỏa thuận.

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	11.641.600	138.881.600
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	164.284.108
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	153.638.724
	11.641.600	456.804.432

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2012							
Số dư đầu kỳ	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(378.233.824.050)	743.291.339.602
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	31.049.605.722	31.049.605.722
Số dư cuối kỳ	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(347.184.218.328)	774.340.945.324
6 tháng đầu năm 2013							
Số dư đầu kỳ	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(347.442.463.283)	774.082.700.369
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	14.156.168.553	14.156.168.553
Số dư cuối kỳ	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(333.286.294.730)	788.238.868.922

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công Ty CP Tập đoàn T&T	123.270.000.000	12,33%	123.270.000.000	12,33%
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Cường	70.645.380.000	7,06%	70.645.380.000	7,06%
Vốn góp của đối tượng khác	641.724.620.000	64,17%	641.724.620.000	64,17%
	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.000	155.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000	155.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	99.845.000	99.845.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	65.068.804.769	107.328.959.127
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	13.305.394.953	13.927.507.655
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	21.718.980.925	46.355.943.160
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	2.952.985.650	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	3.420.705.435	448.063.636
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.446.489.774	802.191.394
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	-	611.710
- Doanh thu khác	22.224.248.032	45.794.641.572
 Các khoản giảm trừ doanh thu	 (1.009.895.925)	 (63.231.823)
 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	 64.058.908.844	 107.265.727.304

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.034.097.724	2.177.559.197
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	14.231.454.420	69.898.202.528
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.805.287.085	-
Chi phí hoạt động tư vấn	199.921.090	937.535.807
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	851.814.950	822.204.699
Chi phí dự phòng	(29.954.503.854)	(61.394.003.214)
Chi phí khác	33.252.866.478	47.776.208.942
Chi phí trực tiếp chung	11.832.074.818	15.213.716.718
	35.253.012.711	75.431.424.677

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.672.463.456	6.707.639.538
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	313.339.503	525.002.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.540.289.849	1.491.264.857
Thuế, phí và lệ phí	176.674.429	134.245.001
Chi phí dự phòng	1.029.200.351	(16.095.952.160)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.621.548.631	5.670.220.070
Chi phí khác bằng tiền	2.129.603.475	2.359.711.031
	14.483.119.694	792.131.198

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.156.168.553	31.049.605.722
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(420.197.826.932)	(443.181.127.174)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.814.481.625)	(21.194.906.528)
- Chuyển lỗ các năm trước	(416.383.345.307)	(421.986.220.646)
Tổng thu nhập tính thuế	(406.041.658.379)	(412.131.521.452)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	14.156.168.553	31.049.605.722
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.156.168.553	31.049.605.722
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	99.845.000	99.845.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	142	311

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	732.697.232.009	-	739.501.000.366	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	641.924.914.760	(202.187.539.923)	571.871.188.164	(201.158.339.572)
Đầu tư ngắn hạn	348.136.754.441	(93.130.182.750)	341.824.209.736	(123.084.686.604)
Đầu tư dài hạn	64.800.000.000	(19.800.000.000)	64.800.000.000	(19.800.000.000)
	1.787.558.901.210	(315.117.722.673)	1.717.996.398.266	(344.043.026.176)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	244.000.000.000	312.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	530.653.015.181	389.988.373.017
Chi phí phải trả	21.354.170.590	12.244.439.776
	796.007.185.771	714.232.812.793

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	732.697.232.009	-	-	732.697.232.009
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	439.737.374.837	-	-	439.737.374.837
Đầu tư ngắn hạn	255.006.571.691	-	-	255.006.571.691
Đầu tư dài hạn	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	<u>1.427.441.178.537</u>	<u>45.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.472.441.178.537</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.501.000.366	-	-	739.501.000.366
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	370.712.848.592	-	-	370.712.848.592
Đầu tư ngắn hạn	218.739.523.132	-	-	218.739.523.132
Đầu tư dài hạn	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	1.328.953.372.090	45.000.000.000	-	1.373.953.372.090

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	244.000.000.000	-	-	244.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	530.628.015.181	25.000.000	-	530.653.015.181
Chi phí phải trả	21.354.170.590	-	-	21.354.170.590
	795.982.185.771	25.000.000	-	796.007.185.771
Tại 01/01/2013				
Vay và nợ	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	389.963.373.017	25.000.000	-	389.988.373.017
Chi phí phải trả	12.244.439.776	-	-	12.244.439.776
	714.207.812.793	25.000.000	-	714.232.812.793

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

27 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẤM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	142.321.272.893	134.266.540.304
	<u><u>142.321.272.893</u></u>	<u><u>134.266.540.304</u></u>

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Các bộ phận khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu	13.305.394.953	21.718.980.925	22.649.742.193	6.373.691.085	46.292.966	64.094.102.122
Chi phí bộ phận trực tiếp	15.008.548.367	(15.121.050.608)	31.521.048.710	4.077.969.690	14.451.417.410	49.937.933.569
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.703.153.414)	36.840.031.533	(8.871.306.517)	2.295.721.395	(14.405.124.444)	14.156.168.553
Tài sản bộ phận trực tiếp	6.891.231.764	319.422.280.713	659.868.017.270	389.105.091	-	986.570.634.838
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	601.725.320.894
Tổng tài sản	6.891.231.764	319.422.280.713	659.868.017.270	389.105.091	-	1.588.295.955.732
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	675.693.062.494	1.199.000.000	-	676.892.062.494
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	123.165.024.316
Tổng nợ phải trả	-	-	675.693.062.494	1.199.000.000	-	800.057.086.810

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý:

	Hội sở	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	53.320.191.333	8.437.408.849	2.301.308.662	64.058.908.844	64.058.908.844
Tài sản bộ phận	1.444.922.371.300	121.094.475.737	22.279.108.695	1.588.295.955.732	1.588.295.955.732
Nợ phải trả bộ phận	689.819.049.416	87.723.903.914	22.514.133.480	800.057.086.810	800.057.086.810

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Cổ tức nhận được			
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	1.800.000.000	-
Chi phí lãi vay			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	838.888.932	12.585.944.459

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư cổ phiếu			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	205.454.957.099	203.084.957.099
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	64.800.000.000	64.800.000.000
Phải trả về hợp tác ba bên			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	63.976.361.016	66.163.914.500
Khách hàng ứng trước			
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	50.000.000	50.000.000
Số dư vay và nợ ngắn hạn			
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	35.000.000.000	120.000.000.000
Phải thu tiền cổ tức			
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	1.800.000.000	-

(*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đồng thời là Chủ tịch của các tổ chức này.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.840.696.317	3.431.075.463

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2013

Người lập



Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiến

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Lợi

